



shē dài

赊贷

verb · lend or borrow on credit

Example Sentence

Zhè jiā shāng diàn yǔn xǔ gù kè shē dài gòu mǎi shāng pǐn.
这家商店允许顾客赊贷购买商品。

This store allows customers to buy goods on credit.

Trace each character, then write the word on your own.

赊	赊	赊	赊	赊	赊	赊	赊	赊	赊	赊
赊	赊	赊								

贷	贷	贷	贷	贷	贷	贷	贷	贷	贷	贷
贷										
